

EFEО - DI SẢN NÀO ĐỂ LẠI?

NGUYỄN THỪA HỖ^(*)

Được thành lập ở Việt Nam vào đầu thế kỷ XX, Viện Viễn Đông Bác cổ (École française d'Extrême-Orient - EFEО) và tờ tạp san BEFEО uy tín thế giới đến nay đã trên trăm năm. Các học giả tiền bối Pháp-Việt của EFEО là những tấm gương sáng về phẩm chất của người trí thức chân chính, về lòng say mê hiến thân cho khoa học, tinh thần độc lập và tự do trí tuệ.

EFEО đã để lại di sản nào cho chúng ta? Trước hết, đó là một gia tài đồ sộ với những dữ liệu thông tin phong phú về lịch sử và văn hóa Việt Nam cũng như về Đông phương học. EFEО còn để lại cho chúng ta một quan điểm cấp tiến về học thuật, đó là nguyên tắc và bản lĩnh trung thực trong khoa học, kết hợp giữa nghiên cứu vĩ mô và vi mô, tổng hợp khái quát và phân tích chuyên sâu, chú trọng việc trao đổi hợp tác quốc tế. Áp dụng phương pháp nghiên cứu mới cũng là một di sản của EFEО. Quán triệt tinh thần thực chứng, bổ sung nguồn thư tịch bằng nguồn dữ liệu nghiên cứu thực địa (in situ), cách tiếp cận liên-xuyên ngành đa lĩnh vực là những kinh nghiệm rất đáng tham khảo từ EFEО.

1. Lịch sử vốn không đơn giản. Lịch sử được viết ra lại càng không đơn giản hơn. Đó là một ngôi nhà có nhiều cửa sổ. Từ bên ngoài và tùy theo từng vị trí góc nhìn, người quan sát có thể thu lượm được những cảnh trí khác nhau, nhận thấy được những gam màu sáng tối khác nhau, thậm chí tương phản nhau. Một bản tổng kết đánh giá công bằng, đúng đắn về thời thuộc Pháp là một trong những trường hợp như vậy. Buổi đầu, những quan chức và những nhà chép sử thực dân thường chọn lọc ra một số sự kiện có thực nhưng không toàn diện, để hết lời tán tụng về những thành tựu khai hóa văn minh mà người Pháp mang lại cho Việt Nam - một xứ sở trước đó còn lạc hậu trì trệ. Ngược lại, những chiến sĩ và những nhà viết sử

cách mạng sau này lại thóa mạ không tiếc lời về những hành động áp bức bóc lột của chế độ thực dân Pháp với những chứng cứ chính xác, nhưng đôi khi có phần một chiều, đánh đồng. Ngày nay, với một độ lùi thời gian đủ chín muồi, với những nhận thức khoa học mới cùng một cách tiếp cận phức hợp đa chiều, chúng ta có thể bình tĩnh nhìn lại để đánh giá một cách trung thực, khách quan hơn.

Các tác giả P. Brocheux và D. Hémery đã có lý khi nói rằng các hành động của người Pháp tại Đông Dương là một “công cuộc thực dân mập mờ” (*la colonisation ambiguë*) (P. Brocheux &

(*) PGS.TS., Trường Đại học KHXH&NV, Đại học Quốc gia Hà Nội.

D. Hemery, 1994). Nhìn chung, trên một phong nền tối xám, vẫn lấp lánh những điểm sáng, mà EFEO là một trường hợp tiêu biểu.

Tiền thân của EFEO là Phái bộ Thường trực Khảo cổ Đông Dương (*Mission archéologique permanente de l'Indochine*), được thành lập theo Nghị định của Toàn quyền Đông Dương Paul Doumer ngày 15/12/1898. Để tập hợp những thông tin dữ liệu chuyên sâu phục vụ cho một cuộc khai thác thuộc địa bài bản, có tầm nhìn xa và quy mô lớn, Paul Doumer - một Toàn quyền năng động và nhiều tham vọng, nhận thấy cần phải tìm hiểu một cách khoa học, hệ thống và toàn diện về lịch sử, ngôn ngữ, văn hóa của xứ thuộc địa. Phái bộ ra đời phục vụ cho mục đích đó. Louis Finot, Phó Giám đốc trường Cao học Thực hành Paris, được Hàn lâm Văn khắc và Mỹ văn đề cử bổ nhiệm làm vị Giám đốc đầu tiên của Phái bộ với trụ sở đặt tại Sài Gòn.

Điều 2 của Nghị định trên ghi rõ:

“Phái bộ có mục đích:

1, Tiến hành những công việc khai thác khảo sát về khảo cổ, ngữ ngôn của bán đảo Đông Dương nhằm tạo ra mọi phương tiện thuận lợi để tìm hiểu về lịch sử, các di tích và các phương ngữ trong xứ.

2, Góp phần nghiên cứu học thuật chuyên sâu các khu vực và những nền văn minh lân cận như Ấn Độ, Trung Quốc, Mã Lai, vv...” (*Bulletin officiel de l'Indochine*, 1^{re} partie, 1899, p.19).

Xuất phát từ một động cơ chính trị, nhưng ngay từ buổi đầu, tổ chức học thuật này đã mang chức năng nghiên cứu khoa học chuyên sâu, liên ngành và tiếp cận hệ thống khu vực học.

Hai năm sau, Phái bộ được đổi tên thành EFEO theo Nghị định ngày 20/1/1900 của Toàn quyền Đông Dương. Điều 1 của Nghị định viết:

“Phái bộ Thường trực Khảo cổ Đông Dương được thành lập theo Nghị định ngày 15/12/1898, đặt dưới quyền kiểm soát khoa học của Hàn lâm Văn khắc và Mỹ văn (*Académie des inscriptions et belles lettres*) thuộc Viện Hàn lâm Pháp (*Institut de France*) từ nay đổi tên thành Trường (Viện) Pháp quốc Viễn Đông Bác cổ (*École Française d'Extrême-Orient*)^(*).

Tổ chức này tiếp tục được quản lý theo những điều khoản của Nghị định thành lập và những nghị định tiếp sau liên quan đến chức năng của nó” (*Bulletin officiel de l'Indochine*, 2^{ème} partie, 1900, p.52).

Toàn quyền Paul Doumer, người có sáng kiến đổi tên, giải thích rằng tên gọi “Phái bộ Thường trực Khảo cổ” trước kia là thiếu chính xác về mặt khoa học. Tuy nhiên, tên gọi mới là “Trường” (*école*) lại cũng gây cho người ta sự hiểu lầm (vì chức năng chính của nó không phải là một cơ sở giảng dạy, mà là một viện nghiên cứu). Năm 1902, trụ sở của EFEO được chuyển từ Sài Gòn ra Hà Nội.

Những nghiên cứu sinh được cấp học bổng đầu tiên của EFEO là H. Parmentier, H. Maspero, J. Bloch và G. Coedès (G. Coedès sau này đã trở thành Giám đốc EFEO). Ban đầu, trực thuộc EFEO có một thư viện chuyên ngành với nhiều tài liệu quý hiếm và một bảo tàng. Sau này, EFEO có 4 viện

(*) Sau này thường được gọi là Viện Viễn Đông Bác cổ - EFEO.

đặt ở Hà Nội, Đà Nẵng, Sài Gòn và Phnom Penh.

Các Giám đốc của EFEO từ buổi đầu thành lập cho đến năm 1955 lần lượt là: Louis Finot (1898), Alfred Foucher (1905), Claude-Eugène Maitre (1908), Louis Finot (lần thứ hai: 1920), Léonard Aurousseau (1926), George Coedès (1929), Paul Lévy (1947). Năm 1954-1955, Maurice Durand có một thời gian phụ trách EFEO, trước khi trụ sở EFEO rời khỏi Hà Nội và trở về Pháp.

Năm 1993, EFEO chính thức quay trở lại Việt Nam với chức năng của một cây cầu nối giữa hai nền văn hóa Pháp-Việt. Viện đặt trụ sở chính tại Hà Nội, năm 2011 có thêm một chi nhánh ở thành phố Hồ Chí Minh.

2. Sau hơn một thế kỷ hoạt động nghiên cứu khoa học, EFEO đã để lại cho chúng ta một gia tài đồ sộ với những dữ liệu thông tin phong phú về lịch sử và văn hóa Việt Nam cũng như về Đông phương học. Đây là kho tài sản quý giá bao gồm những bản thảo, ấn phẩm, bản đồ, văn bia, hiện vật bảo tàng, di tích bảo tồn và hàng ngàn công trình nghiên cứu, góp phần xây dựng nền tảng cho các ngành khoa học xã hội-nhân văn và văn hóa-ngệ thuật Việt Nam thời cận hiện đại.

Ngoài kho sách phong phú viết về lịch sử văn hóa các nước Đông Dương và châu Á bằng các ngôn ngữ Latinh, Slave, Hán-Nôm, Nhật, Ấn, EFEO còn lưu trữ rất nhiều các loại báo, tạp chí và tập san khoa học quốc tế, “có tới 460 tên các ấn phẩm định kỳ chữ Latinh với hơn 30.000 số, trong đó ấn phẩm định kỳ tiếng Việt có 48 tên, được đóng thành khoảng 6.000 tập” (Trần Thị Kiều Nga, 2013). Ngoài những ấn phẩm dành cho các nhà nghiên cứu chuyên sâu như

Excursions et Reconnaissances, Journal Asiatique..., các tập san tạp chí khoa học nổi tiếng nhất được EFEO lưu trữ có thể kể đến là: *Bulletin de l'École d'Extrême-Orient, Revue Indochinoise, Bulletin des Amis du Vieux Hué, Bulletin des Études Indochinoises...* EFEO cũng xuất bản những ấn phẩm của riêng mình như *BEFEO (Bulletin de l'École française d'Extrême-Orient)*, *PEFEO (Publications de l'EFEO)*. Tập XXIV của *PEFEO* là chuyên khảo *Le Thanh Hoa* của Charles Robequain (1929) và tập XXVII là chuyên khảo *Les Paysans du Delta Tonkinois* của Pierre Gourou (1936).

BEFEO là tập san tam cá nguyệt (cũng có lúc là lục cá nguyệt), mỗi năm đóng thành một tập, từ 400 đến 1.000 trang. Tập I ấn hành năm 1901. Lúc đó, trụ sở EFEO ở Sài Gòn, nhưng Ban Giám đốc quyết định cho in tại nhà in Schneider ở Hà Nội, vì ở đây mới có những máy móc thiết bị in ấn tối tân. Ngay trong lời phi lộ của số đầu tiên, Ban biên tập đã chủ trương một phương pháp nghiên cứu tổng hợp hệ thống liên ngành, kết nối và so sánh mọi mặt đời sống của những quốc gia khác nhau trong một tổng thể khu vực. Tập san cũng nhấn mạnh đến việc khảo sát điền dã mang tính thực chứng, trực tiếp đến từng địa điểm và di tích được nghiên cứu.

BEFEO xuất bản đều kỳ hàng năm cho tới tập XLIII (1943). Do “những biến cố xảy ra ở Đông Dương”, tập san ngưng xuất bản cho đến năm 1951 mới xuất hiện lại bộ mới, in liền trong năm đó ba tập 44-1, 44-2 và 45-1. Từ đó, tập san được tiếp tục xuất bản cho tới ngày nay. Tuy được giải thích là sau kỷ niệm 50 năm, EFEO đã được cải tổ, “mở ra một

chức năng hoạt động mới, theo một công thức hoàn toàn khác trước” (có thêm một số bài nghiên cứu về lịch sử cận hiện đại), nhưng nhìn chung, trong giai đoạn hai, người ta thấy ít có những bài nghiên cứu với chất lượng thật xuất sắc như trong giai đoạn đầu. Thời gian xuất bản cũng không thật đều như trước (hiện nay là 2 năm 2 tập ghép một). Một trong những nguyên nhân có thể là do, một mặt, đội ngũ những học giả Đông phương học người Pháp trong thời kỳ hậu thuộc địa đã phần nào giảm đi, mặt khác, do trình độ học thuật tăng lên, nên yêu cầu thỏa mãn của người đọc cũng được nâng cao hơn.

Thật khó để liệt kê đầy đủ những công trình khoa học rất đa dạng, phong phú và danh sách đội ngũ các tác giả là những thành viên vĩnh viễn hoặc các thành viên có thời hạn, thành viên danh dự hoặc các thông tấn viên, cộng tác viên của EFEO. Chúng ta có thể tham khảo trong nhiều thư mục đã được lập ra (trong đó có bản thư mục của Nguyễn Văn Tố) (Xem: Nguyen Van To, 1921; *Bibliographie EFEO*, 1948; “Table des matières”, *BEFEO*, 1952-1992, aafv.org). Đến nay, Đại học Lyon của Pháp đã số hóa 107 số tập san của EFEO, đưa lên trang *perseus.fr* và chúng ta có thể tiếp cận khá dễ dàng^(*).

3. Điều quan trọng nhất cần nhấn mạnh chính là những tấm gương về phẩm chất nhân cách và tinh thần, nghị lực lao động khoa học của đội ngũ các nhà khoa học làm việc cho EFEO đã để lại cho chúng ta. Đó đều là những người trí thức chân chính, nhiệt tình say mê với lao động nghiên cứu, sáng tạo khoa

học, những *homo academicus* (con người học thuật - như chữ dùng của Laurent Dartingues) (Laurent Dartingues, 2012, tr.45) - bước vào sự nghiệp khi tuổi đời còn rất trẻ, như: Paul Pelliot (21 tuổi), Henri Maspéro (25 tuổi), Henri Parmentier (29 tuổi), Jules Bloch (25 tuổi), Georges Coedès (25 tuổi). Louis Finot nhận chức vụ đứng đầu *Phái bộ Thường trực Khảo cổ Đông Dương* khi mới 34 tuổi và Léonard Aurousseau trở thành Giám đốc EFEO khi 38 tuổi.

Có những trường hợp nhiều người là các thành viên trong một gia đình đã cùng đóng góp cống hiến cho EFEO. Chuyên gia Đông phương học Henri Maspéro (1883-1945) - với những bài nghiên cứu kinh điển về địa lý, lịch sử Việt Nam thời cổ trung đại - là em ruột Georges Maspéro (1872-1942), tác giả cuốn *Le Royaume de Champa* nổi tiếng. Henri Parmentier (1871-1949) - tốt nghiệp từ ngôi trường danh giá École des Beaux-Arts de Paris, chuyên gia khảo cổ học, kiến trúc xuất sắc - có vợ là nữ nhà báo, văn sĩ tài hoa Jeanne Leuba (1882-1979). Họ đã cùng nhau gắn bó trong sự nghiệp nghiên cứu và mô tả các tháp Chăm^(*).

Đặc biệt đáng chú ý là các nữ chuyên gia trong đội ngũ các nhà khoa học của EFEO. Đầu tiên phải kể đến Madeleine Colani (1866-1943), bà hầu như suốt đời lặn lội gắn bó với những công trình khai quật và nghiên cứu các di chỉ khảo cổ học thời đại đồ đá ở những vùng núi Bắc Sơn, Hòa Bình và Cánh đồng Chum (Lào), và dường như quên cả việc lập gia đình. Khi mới đến Hà Nội, bà từng là giáo viên tiểu học rồi giáo sư trung học trường Lycée Albert

^(*) Trang *gallica.bnf.fr* cũng có bộ sưu tập *BEFEO*, nhưng không đầy đủ bằng *perseus.fr*.

^(*) Bảo tàng Chăm Đà Nẵng trước đây mang tên Bảo tàng Parmentier.

Sarraut. Sau đó bà tiếp tục học và bảo vệ học vị tiến sĩ, trở thành nhà nghiên cứu của Sở Địa chất Đông Dương. Bà làm việc cho EFEO cho đến cuối đời. Bà mất năm 1943 tại Hà Nội.

Tiếp đến là Suzanne Karpelès (1890-1968), một gương mặt của người trí thức kiên cường chống lại cường quyền. Bà từng là sinh viên trường Cao học Thực hành Paris, học trò của các học giả lớn Sylvain Lévi và Louis Finot. Năm 1922, bà sang Hà Nội làm việc tại EFEO. Bà gắn bó với việc nghiên cứu chữ Phạn và Phật giáo, là chuyên gia phụ trách Viện Phật học Cao Miên. Năm 1941, Karpelès bị chính quyền Vichy của Pháp sa thải vì có nguồn gốc Do Thái và thái độ chống thực dân phát xít, nhưng sau đó, năm 1945, khi chiến tranh kết thúc, bà đã được làm việc trở lại.

Một nữ học giả khác từng làm việc với EFEO là nhà dân tộc học Jeanne Cuisinier (1890-1964) mà tên tuổi đã quen thuộc với giới học thuật Việt Nam và được đánh giá cao. Bà là chuyên gia về tộc người Mường, kết hợp những nghiên cứu địa lý nhân văn với xã hội học, đặc biệt là vai trò của nghệ thuật biểu diễn trong các nghi lễ cúng tế. Cuisinier có một nghị lực và sức làm việc phi thường. Trong những năm tháng cuối đời, tuy tuổi cao sức yếu (74 tuổi), bà vẫn tiếp tục làm việc để hoàn thành những nghiên cứu cuối cùng của mình, “thậm chí cho đến tận đêm trước ngày bà mất” (J.Filliozat, 1966, tr.53).

Trong lĩnh vực nghiên cứu dân tộc học, ngoài các nhà nghiên cứu còn có sự đóng góp đáng kể của một số sĩ quan và quan cai trị địa phương người Pháp say mê với công việc của một học giả, như những nghiên cứu về người Mường của Pierre Grossin, về người Dao của

Auguste Bonifacy, về người Thượng của Henri Maitre^(*).

Hầu hết những nhà khoa học của EFEO, cùng với lòng say mê nghiên cứu, đã tỏ ra là những nhà trí thức chân chính, có phẩm chất và bản lĩnh trong việc bảo vệ tư duy độc lập và quyền tự do học thuật, đấu tranh chống lại sức ép và sự can thiệp của nhà cầm quyền. Về vấn đề này, cuốn *Dictionnaire des orientalistes de langue française* (2012) đã ghi:

“Lúc đầu, một số những bài bình luận thời sự chính trị của các nhà nghiên cứu bị phê phán là tự do thái quá, sau dần dần đã bị cấm đăng trên tập san *BEFEO*... EFEO cũng đã phải hứng chịu những lời đả kích mạnh mẽ từ giới quan chức thuộc địa bảo thủ, những người cho rằng ngành Đông phương học phải lấy lại “sự trong sáng ban đầu của những nhà nghiệp dư” và công kích những học giả EFEO” (*Dictionnaire des orientalistes de langue française*, 2012)^(**). Chiến dịch đả kích P. Pelliot khi ông được đề cử vào *Collège de France* và vụ bãi chức Suzanne Karpelès là những minh chứng cho sự can thiệp thô bạo của chính trị vào học thuật trong lịch sử EFEO.

Georges Boudarel nhận xét về thái độ chính trị của trường phái học thuật EFEO: “Trước năm 1900, chính quyền quân sự đã ca tụng việc dùng dân tộc học để trợ giúp cho công cuộc chinh phục và bình định xứ sở, và ngành Đông

(*) Henri Maitre là tác giả cuốn sách nổi tiếng *Les Jungles Moi* (1912) (bản dịch tiếng Việt: *Rừng người Thượng*). Năm 1914, ông đã bị chính những tộc người thiểu số giết chết.

(**) Dẫn theo: Piere Singaravélou (1999), *L'École française d'Extrême-Orient ou l'institution des marges. Essai d'histoire sociale et politique de la science coloniale*, Harmattan, Paris.

phương học đã được coi là đáp ứng những nhu cầu của nhà cầm quyền. Nhưng từ sau 1900, EFEO đã tạo nên một bước ngoặt, việc nghiên cứu trở nên thuần túy hơn và không bị chính trị hóa” (G. Boudarel, 1976)^(*).

4. Cùng với những tấm gương về phẩm chất và nhân cách của nhà trí thức, EFEO cũng mở ra những lối đi mới mẻ về quan điểm và phương pháp luận khoa học.

Đầu thế kỷ XX, chế độ giáo dục khoa cử Hán học vẫn còn tồn tại ở Việt Nam, chữ Pháp và chữ Quốc ngữ được đưa vào chương trình giảng dạy, nhưng mới ở mức độ sơ đẳng. Việc nghiên cứu khoa học xã hội hầu như chưa có, người ta thường chỉ cần tuân thủ những giáo điều Khổng học được ghi chép sẵn trong các cuốn thi thư kinh điển. Sử sách cần được viết dựa trên những tư liệu chính thống, những sự kiện chính trị của vương triều, gạt bỏ mọi điều phi chính thống cũng như mọi mặt đời sống khác của quần chúng. Tư tưởng và các trước tác chỉ được phép quanh quẩn trong cái vòng trung tâm chật hẹp, không được quyền bện mảng đến những tư duy cũng như tri thức cấm kỵ thuộc vùng ngoại biên.

Những nhà khoa học của EFEO đã mạnh dạn phá vỡ cái vòng kim cô đó để xây dựng nền móng cho các ngành khoa học xã hội còn “sơ khai” ở Việt Nam. Đó là những trí thức làm việc cho chính quyền thực dân, nhưng hầu hết trong số họ không chịu làm tay sai dễ bảo của nhà cầm quyền. Có lẽ vì họ là những trí

thức trẻ hăng hái, năng động, đã thừa hưởng những truyền thống và những nguồn cảm hứng của các trào lưu khoa học duy lý, khai sáng và dân chủ nhân quyền từ chính quốc Pháp và châu Âu.

Trường phái EFEO rất coi trọng những tư liệu thực chứng và công tác nghiên cứu thực địa (*in situ*). Đối với sử liệu thư tịch^(*), cần dẫn nguồn xuất xứ chính xác, đầy đủ. Đối với tư liệu khảo cổ phải có những vật chứng cụ thể. Dân tộc học cần dựa trên những kết quả điều tra khảo sát đã được xử lý. Và những kết luận khoa học phải được rút ra từ những dữ kiện chính xác đó, mà không bị áp đặt bởi bất cứ một quan điểm chính trị hay một định kiến có sẵn nào. Khác với một số tác giả thực dân hoặc “bút nô” người Việt, các nhà khoa học EFEO không hề tán tụng về một “sứ mạng khai hóa” (*mission civilisatrice*) của chủ nghĩa thực dân, mặc dù trên thực tế, họ chính là những người đang mang ánh đuốc khoa học để khai sáng văn minh. Đó là những Yersin trong khoa học xã hội, đã đóng góp công lao không nhỏ cho trí tuệ Việt Nam.

Các học giả EFEO cũng là những người đi tiên phong trong việc kết hợp những phương pháp cổ điển với phương pháp hiện đại trong nghiên cứu khoa học, vận dụng cách khảo sát khu vực như toàn thể một không gian xã hội, lịch sử, văn hóa, đồng thời sử dụng những thao tác điều tra phân tích, so sánh thông tin dữ liệu ở cả tầm vi mô lẫn vĩ mô. Léopold Cadière gắn bó với những chuyên khảo về vùng đất Quảng Bình, Charles Robequain lặn lội khắp

(*) G. Boudarel, *Sciences sociales et contre-insurrection au Vietnam*, trong: *Le mal de voir*, P. 1976, dẫn theo: Laurent Dartingues (2012), *Histoire d'une rencontre ratée et histoire à parts inégales. Essai sur le discours orientaliste à propos du Vietnam 1860-1940*, Paris, tr.130.

(*) Chuyên khảo về thư tịch cổ Việt Nam đáng chú ý nhất đăng trên *BEFEO* là của E. Gaspardonne: “Bibliographie annamite” (*BEFEO*, 1934).

vùng Thanh Hóa, cũng như Pierre Gourou xông xáo khắp địa bàn châu thổ Bắc kỳ để sưu tầm tư liệu cho những công trình nghiên cứu chuyên khảo của mình. Trong tập *BEFEO* năm 1901, Viện sĩ Émile Sémart đã gửi thư nhắc nhở: “Chừng nào mà thời đại của chúng ta càng đòi hỏi những nghiên cứu chính xác và tỉ mỉ, thì chúng ta càng cảm thấy giá trị của sự khảo sát trực tiếp những địa điểm và những di tích” (“Lettre de M.E. Sémart”, *BEFEO*, 1901).

Mặt khác, các nhà nghiên cứu EFEO lại đủ tầm nhìn xa để đặt các sự kiện vào trong tọa độ của một hệ thống tổng thể khu vực và châu lục, với những đặc trưng tương đồng và khác biệt cũng như những mối liên hệ tương tác theo các chiều thuận nghịch.

Ngay từ số tập san *BEFEO* đầu tiên, trong lời phi lộ, Viện đã đưa ra quan niệm tiếp cận hệ thống: “Viễn-Đông không chỉ là một thuật ngữ địa lý, đó là một thực thể lịch sử, một tấm đan dệt những sự kiện liên đới với nhau mà người ta không thể tách biệt chúng mà không làm chúng trở nên què quặt hoặc suy yếu đi... Tập san *BEFEO* có thể trở thành một công cụ so sánh và tổng hợp tất cả mọi khía cạnh đời sống xã hội [của các quốc gia châu Á]” (Avertissement, *BEFEO*, 1901).

Để làm sáng tỏ những nghiên cứu các xứ Đông Dương trong bối cảnh khu vực, EFEO đã tiến hành nghiên cứu những trung tâm chính như Trung Quốc, Ấn Độ, Nhật Bản, Đông Nam Á. Chuyên gia về Trung Quốc có Paul Pelliot, Henri Maspero, Paul Demiéville; về Ấn Độ có Silvain Lévi, Alfred Foucher, Jean Filliozat; về Nhật Bản có Claude-Egène Maitre, Noel Péri, Takakusu; về Đông Nam Á có Édouard

Huber, George Coedès, Victor Goloubew...

EFEO duy trì và phát triển nhiều quan hệ hợp tác nghiên cứu quốc tế. EFEO đã tham gia và giới thiệu những thành tựu của mình trong các cuộc triển lãm quốc tế như Triển lãm Hà Nội năm 1902 (lần đầu tiên trưng bày chiếc trống đồng Ngọc Lũ), các cuộc Triển lãm quốc tế thuộc địa như Triển lãm Marseille những năm 1906 và 1922, Triển lãm Vincennes (Paris) năm 1931 (nhân dịp này EFEO đã xuất bản nhiều công trình tổng kết nghiên cứu có giá trị). EFEO còn tham dự nhiều cuộc hội thảo khoa học quốc tế ở ngoại quốc. Bản thân EFEO cũng tổ chức một số hội thảo khoa học quốc tế tại Hà Nội như Đại hội Nghiên cứu Viễn Đông năm 1902, hay Đại hội những nhà Tiên sử học Viễn Đông năm 1931. Một học giả có công đóng góp vào sự phát triển những mối quan hệ quốc tế của EFEO và có nhiều bạn bè ở nhiều nước là Victor Goloubew, người gốc Nga, chuyên gia nổi tiếng về các nền văn hóa đồng thau ở Đông Dương. G. Coedès đánh giá ông là “vị sứ giả trí tuệ của EFEO”.

Ở một mặt khác, các học giả EFEO cũng là những người rất quan tâm đến phương pháp mang tính chất liên ngành theo phương hướng nghiên cứu bách khoa, gắn kết môi trường địa lý với lịch sử, lịch sử với văn hóa, đời sống vật chất với đời sống tâm linh. Hai cây đại thụ đi theo phương hướng này là Gustave Dumoutier và Léopold Cadière, những tác giả đã để lại số lượng lớn các tác phẩm và tiểu luận nghiên cứu đa dạng về lịch sử, văn hóa Việt.

5. Vai trò và ảnh hưởng của EFEO đối với người Việt Nam và nền học thuật Việt Nam rất lớn, cả về các mối quan hệ

cá nhân cũng như về mặt tư tưởng, văn hóa, khoa học. Nhà vua yêu nước Duy Tân (người chống thực dân Pháp) lại chính là một học trò thân thiết của hai thầy giáo người Pháp dạy mình, Philippe Éberthardt và Léonard Aurousseau - là các thành viên EFEO. Victor Goloubew kể về L. Aurousseau, thầy giáo riêng của Vua Duy Tân trong những năm 1913-1914:

“Vị hoàng đế trẻ [lúc đó Duy Tân 14 tuổi] và gia sư của mình hàng ngày đã ở bên nhau phần lớn thời gian... Chương trình học tập gồm có những môn Vật lý, Lịch sử, Pháp ngữ, chữ Hán, Địa lý. Việc giảng dạy văn chương chiếm một vị trí ưu trội. Trong số những tác giả Pháp góp phần hình thành trí tuệ ông hoàng trẻ tuổi có Pascal, Fénelon, La Bruyère, phái Bách Khoa thư và Victor Hugo. Hoàng đế rất thích đọc cuốn *Những người khốn khổ*, và đã ghi chú rất tỉ mỉ, chi tiết vào từng chương sách” (V. Goloubew, 1929). Người ta có thể tự hỏi rằng: Những tư tưởng tự do dân chủ và nhân đạo nói trên được truyền cảm hứng từ một học giả EFEO tới Vua Duy Tân liệu có phải là một trong những động cơ dẫn đến cuộc khởi nghĩa Duy Tân xảy ra ở kinh thành Huế hai năm sau đó?

Một học giả thành viên nổi bật khác của EFEO, một “phần tử thân Annam” (*annamitophile*) như giới truyền thông thời Pháp thuộc thường gọi, là Paul Mus (1902-1969). Đến Hà Nội sống từ lúc 5 tuổi, ông từng là học sinh trường Albert Sarraut, đỗ bằng tú tài toán năm 1919, sau đó lại là giáo sư dạy trường này, làm việc ở EFEO từ năm 1927, bảo vệ luận án tiến sĩ năm 1933 và trở thành chuyên gia về Đông Nam Á của EFEO. Tác giả người Nhật Izutsu ca ngợi:

“Paul Mus là một con người siêu phàm, một trong những thiên tài bẩm sinh có một năng lực đặc biệt về tư duy sáng tạo và ý tưởng độc đáo” (Vincent Lemieux, 1976, p.8). Georges Condominas tôn sùng P. Mus như “một trong những nhà Đông phương học vĩ đại nhất của thời đại ngày nay” (Dẫn theo: Laurent Dartingues, 2012, p.294).

P. Mus có nhiều bạn bè người Việt Nam, rất quý trọng những người đồng sự gần gũi như Nguyễn Văn Khoan, Nguyễn Văn Huyền và Nguyễn Văn Tố^(*). P. Mus là tác giả cuốn sách nổi tiếng *Vietnam: Sociologie d'une guerre*, nội dung cuốn sách phân tích những nghịch lý trong cuộc chiến tranh Pháp-Việt, đứng từ quan điểm xã hội học lịch sử. Tháng 5/1947, P. Mus được cử làm sứ giả hòa bình, từng gặp gỡ Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Thái Nguyên, trao đổi về khả năng hòa đàm Việt - Pháp (Xem: Lê Thành Khôi, 1955, p.473; P. Mus, 1952, p.372), nhưng đáng tiếc là đã không đi đến kết quả do những điều kiện mà phía Pháp đưa ra không thể chấp nhận được.

Về chuyên môn học thuật, EFEO đã để lại những dấu ấn sâu đậm trong giới những học giả cận đại đầu tiên nghiên cứu khoa học xã hội Việt Nam. Phạm Quỳnh từng là một cộng tác viên của EFEO trong những năm 1912-1916 (EFEO, 1970, www.efeo.fr). Khoảng năm 1925, Sở Cuồng (Lê Du) phụ trách

(*) Trong cuốn *Vietnam: Sociologie d'une guerre* (Seuil, Paris, 1952), P. Mus nhận mình là bạn khá thân của Nguyễn Văn Khoan (tr.140), đánh giá Nguyễn Văn Huyền là “một nhà dân tộc học nổi tiếng thế giới” (tr.80) và Nguyễn Văn Tố là “một gương mặt công dân lớn” (tr.343). Theo Nguyễn Phương Ngọc, trong cuốn *Angle d'Asie* P. Mus cũng nói đến tình bạn với Trần Văn Giáp (Nguyen Phuong Ngoc, 2008).

kho sách Nhật Bản ở Thư viện EFEO (Nguyen Phuong Ngoc, 2008). Những người làm việc trực tiếp ở EFEO và có viết bài nghiên cứu trong tập san của EFEO trong nửa đầu thế kỷ XX có thể kể đến Nguyễn Văn Tố, Nguyễn Văn Khoan, Trần Văn Giáp, Nguyễn Văn Huyền và Trần Hàm Tấn^(*). Thời gian sau, một số các tác giả khác cũng đã cộng tác với EFEO như Ứng Quả, Hồ Đắc Hàm, Đàm Quang Tấn, Trương Vĩnh Tống, Bùi Quang Tung, Tạ Trọng Hiệp...

Nhiều học giả Việt Nam tuy không trực tiếp cộng tác với EFEO nhưng chịu nhiều ảnh hưởng của trường phái này trong phương pháp luận, công việc sưu tầm tư liệu và trích dẫn, các luận điểm khoa học về nhà nước cổ đại Việt Nam, những vấn đề của thời Bắc thuộc, các thành tựu khảo cổ học khảo sát di tích và khai quật di chỉ, những vấn đề địa lý, lịch sử, văn hóa, tôn giáo, nghiên cứu văn bản thư tịch, tìm hiểu một số các nhân vật lịch sử, tác phẩm sử học, văn học cổ điển... Trong số đó, chúng ta thấy có nhóm Tri Tân, các học giả Hoàng Xuân Hãn, Nguyễn Thiệu Lâu^(**), Đào Duy Anh và các học trò của ông, nhà sử học Việt kiều Lê Thành Khôi^(***)... Các

nhà nghiên cứu trẻ Việt Nam hiện nay cũng đã hợp tác nghiên cứu có kết quả với các thành viên EFEO Hà Nội như Philippe Papin, Andrew Hardy, Olivier Tessier, Philippe Le Failler... qua các hoạt động thư viện, liên kết dự án nghiên cứu, xuất bản ấn phẩm và tổ chức tiến hành những lớp huấn luyện, bồi dưỡng.

Ngày nay, giao lưu và tiếp biến văn hóa toàn cầu phát triển, tầm nhìn khoa học được mở rộng. Lý thuyết, phương pháp và tư liệu phục vụ cho việc nghiên cứu các ngành khoa học xã hội trên thế giới nói chung và ở Việt Nam nói riêng có thể về một số mặt đã vượt qua so với mặt bằng EFEO trước kia. Và do vậy, cái “mới” của EFEO thời xưa thì ngày nay đã trở thành cái “cũ”. Tất nhiên, chúng ta lớn hơn các bậc tiền nhân, vì chúng ta được nâng ẵm trên đôi vai của họ. Nhưng nhìn chung, về tầm cỡ nhà học giả, những đỉnh núi Đông phương học của EFEO trong nửa đầu thế kỷ XX vẫn chưa có người chinh phục. Và người ta sẽ không bao giờ quên ý nghĩa và hương vị của thuở ban đầu gặp gỡ, những duyên nợ và công lao đóng góp của EFEO vào việc đặt nền móng cho sự hình thành và phát triển của các ngành khoa học xã hội Việt Nam qua hơn một thế kỷ lịch sử □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. “Avertissement”, *BEFEO*, 1901.
2. *Bibliographie EFEO*, Dân Việt Nam, N° 1, Mai 1948.

(*) Ngoài ra, Cống Văn Trung và Trần Huy Bá (tốt nghiệp trường Kỹ thuật thực hành năm 1924) là các họa đồ viên về kiến trúc của EFEO.

(**) Nguyễn Thiệu Lâu (1916-1967) quê phường Hạ Đình (Thanh Xuân, Hà Nội). Ông từng du học ở Đại học Sorbonne, Paris, chuyên ngành Địa lý nhân văn. Năm 1941, ông là trợ lý công nhật cho EFEO (Nguyen Phuong Ngoc, 2008). Nguyễn Thiệu Lâu không có bài đăng trên *BEFEO*, nhưng viết nhiều bài nghiên cứu đăng trên các tạp chí khác, trong đó có *BAVH*.

(***) Cha của GS. Lê Thành Khôi là Lê Thành Ý, trước đây từng là bạn học với P. Mus ở trường Lycée Albert Sarraut Hà Nội (Nguyen Phuong Ngoc, 2008). Khoảng những năm đầu thập kỷ 1940, ông là giáo sư môn Việt văn cũng của ngôi

trường này. Lúc đó, Lê Thành Khôi cũng là học sinh của trường (*Lycée Albert Sarraut*, 1941).

3. P. Brocheux & D. Hemery (1994), *Indochine: La colonisation ambiguë 1858-1954*, Découverte, Paris.
4. *Bulletin officiel de l'Indochine*, 1^{re} partie, 1899, p.19.
5. *Bulletin officiel de l'Indochine*, 2^{ème} partie, 1900, p. 52.
6. EFEO, *Personnes associées à l'EFEO 1900-1970*, www.efeo.fr
7. V. Goloubew (1929), “Léonard Arousseau”, *BEFEO*.
8. J. Filliozat (1966), “Jeanne Cuisinier”, *BEFEO*.
9. Lê Thành Khôi (1955), *Le Viet-Nam: histoire et civilisation*, Minuit, Paris.
10. Laurent Dartingues (2012), *Histoire d'une rencontre ratée et histoire à parts inégales. Essai sur le discours orientaliste à propos du Vietnam 1860-1940*, Paris.
11. “Lettre de M.E. Sénart”, *BEFEO*, 1901.
12. Louis Malleret (1967), *La 20^{ème} anniversaire de la mort de Victor Goloubew (1878-1945)*, BEFEO.
13. *Lycée Albert Sarraut 1940-1941*, IDEO, Hanoi, 1941.
14. P. Mus (1952), *Vietnam: Sociologie d'une guerre*, Seuil, Paris.
15. Trần Thị Kiều Nga (2013), “Giá trị của các ấn phẩm định kỳ thuộc tư liệu EFEO tại Thư viện Khoa học Xã hội”, *Thông tin Khoa học Xã hội*, số 6.
16. Nguyen Phuong Ngoc (2008), *Paul Mus et les “annamitisants” vietnamiens de l'EFEO*, halshs.archives-ouvertes.fr.
17. Piere Singaravélou (1999), *L'École française d'Extrême-Orient ou l'institution des marges. Essai d'histoire sociale et politique de la science coloniale*, Harmattan, Paris.
18. Nguyen Van To (1921), “Tables générales des mémoires”, *BEFEO*, 1921.
19. “Table des matières”, *BEFEO*, 1952-1992, aafv.org.
20. Vincent Lemieux (1976), *Un homme et une oeuvre: Paul Mus*, classiques.uqac.ca.